

Bảng dữ liệu an toàn hóa chất (MSDS)

Canxi cacbonat

Phần 1: Sản phẩm hóa học và Nhà cung cấp

Tên sản phẩm : Canxi cabonat
Công thức hóa học : CaCO_3
Nhà cung cấp : Tradeasia International Pte Limited
133 Cecil Street # 12-03 Keck Seng Tower, Singapore
Tel: +65-6227 6365
Fax: +65-6225 6286
Email: contact@chemtradeasia.com

Phần 2: Thành phần và Thông tin về nguyên liệu

Thành phần:

Tên	CAS #	% khối lượng
Canxi cacbonat	471-34-1	97-100

Phần 3: Nhận dạng các mối nguy hại

Cẩn trọng! Gây kích ứng mắt. Có thể gây kích ứng da và đường hô hấp.

Cơ quan bị tác động: Mắt.

Tác động đến sức khỏe:

Mắt: Gây kích ứng mắt.

Da: Có thể gây kích ứng da.

Nuốt phải: Nuốt phải một lượng lớn có thể gây kích ứng đường tiêu hóa. Được cho là chất ít nguy hại khi nuốt vào cơ thể.

Hít phải: Ít nguy hại khi sử dụng trong công nghiệp. Hít phải lượng lớn có thể gây kích ứng nhẹ đường hô hấp.

Tác động mãn tính: Không có dữ liệu.

Phần 4: Các biện pháp sơ cứu

Tiếp xúc mắt:

Rửa mắt ngay với nhiều nước trong vòng ít nhất 15 phút, rửa kỹ 2 mí mắt trên và dưới. Chăm sóc y tế.

Tiếp xúc da:

Ngay lập tức rửa da với nhiều nước trong vòng ít nhất 15 phút, thay quần áo và giày bị nhiễm bẩn. Tìm hỗ trợ y tế nếu vẫn còn rát.

Nuốt phải:

Tìm hỗ trợ y tế. Không được nôn ra. Nếu còn tỉnh, súc miệng và uống 2-4 cốc sữa hoặc nước.

Đường hô hấp:

Ra khỏi vùng bị nhiễm và đến nơi thoáng khí. Nếu không thở được thì hô hấp nhân tạo. Nếu khó thở thì dùng bình thở oxy. Tìm hỗ trợ y tế nếu ho hay các triệu chứng khác xuất hiện.

Phần 5: Dữ liệu về cháy nổ

Thông tin chung: Trong bất kỳ vụ cháy nào, sử dụng thiết bị thở (đã được phê duyệt bởi MSHA / NIOSH), và dụng cụ bảo hộ đầy đủ.

Nhiệt độ tự bốc cháy: Không có dữ liệu.

Điểm chớp cháy: Không có dữ liệu.

Giới hạn cháy: Không có dữ liệu.

Phương tiện chữa cháy và hướng dẫn: Phun nước, hóa chất khô, CO₂ hay bột hóa học.

Xếp loại của NFPA: (ước tính) Sức khỏe: 1; Khả năng cháy: 0; Độ bất ổn: 0

Phần 6: Xử lý rò rỉ

Thông tin chung: Sử dụng thiết bị bảo hộ cá nhân thích hợp tại phần 8.

Xử lý rò rỉ: Dùng máy hút bụi hoặc chổi quét vật liệu và cho vào vật chứa thích hợp. Tránh gây tạo bụi.

Phần 7: Xử lý và lưu trữ

Xử lý: Khi sử dụng phải đảm bảo thông gió đầy đủ. Giảm thiểu bụi bặm. Tránh tiếp xúc với mắt, da và quần áo. Tránh hít bụi.

Lưu trữ: Lưu trữ ở nơi khô, mát. Lưu trữ trong bao bì kín.

Phần 8: Kiểm soát tiếp xúc/Bảo hộ cá nhân

Biện pháp kỹ thuật:

Thiết bị nhà xưởng lưu trữ hoặc sử dụng vật liệu này cần được trang bị công cụ rửa mắt và vòi sen an toàn. Sử dụng hệ thống thông gió thích hợp để giữ cho nồng độ trong không khí thấp.

Giới hạn phơi nhiễm:

Tên	ACGIH	NIOSH	OSHA - Final PELs
Canxi cacbonat	Không có	10 mg/m ³ TWA (tổng lượng bụi); 5 mg/m ³ TWA (bụi có thể hít phải)	15 mg/m ³ TWA (tổng lượng bụi); 5 mg/m ³ TWA (bụi có thể hít phải).

Dụng cụ bảo hộ cá nhân:

Mắt: Mang kính bảo vệ thích hợp hay kính an toàn hóa chất (theo các quy định bảo vệ mắt và khuôn mặt của OSHA trong 29 CFR 1910.133 hay tiêu chuẩn Châu Âu EN166.)

Da: Mang găng tay thích hợp.

Quần áo: Mặc quần áo bảo vệ thích hợp để giảm thiểu tiếp xúc với da.

Dụng cụ thở: Thực hiện các quy định về dụng cụ thở của OSHA trong 29 CFR 1910.134 hay tiêu chuẩn Châu Âu EN 149. Sử dụng dụng cụ thở (được chấp thuận bởi NIOSH / MSHA hoặc tiêu chuẩn Châu Âu EN 149) nếu vượt quá giới hạn phơi nhiễm hoặc nếu xảy ra kích ứng và triệu chứng.

Phần 9: Tính chất vật lý và hóa học

Trạng thái vật lý	: Chất rắn
Màu	: Trắng
Mùi	: Không mùi
Khối lượng phân tử	: 100.09 g/mol
pH	: 8-9 (dung dịch)
Nhiệt độ nóng chảy	: Không có dữ liệu
Nhiệt độ phân hủy	: 825 °C
Nhiệt độ sôi	: Không có dữ liệu
Trọng lượng riêng	: 2.7-2.9
Áp suất hơi	: Không có dữ liệu
Khối lượng riêng của hơi	: Không có dữ liệu
Tốc độ bay hơi	: Không có dữ liệu

Độ tan

: Tan rất ít trong nước

Phần 10: Độ bền và Dữ liệu về khả năng phản ứng

Độ bền: Bền ở nhiệt độ và áp suất thường.

Điều kiện cần tránh: Bụi và ẩm.

Không tương thích với nhiều hợp chất khác: Chất oxy hóa mạnh, acid, nhôm, magie, flo.

Sản phẩm của sự phân hủy: Cacbon monoxit, cacbon dioxit, canxi oxit.

Sự polymer hóa: Không xảy ra.

Phần 11: Thông tin về độc tính

RTECS#:

CAS# 471-34-1: FF9335000

LD50/LC50:

CAS# 471-34-1:

Kiểm tra Draize , thỏ, mắt: 750 ug/24 giờ

Kiểm tra Draize, thỏ, da: 500 mg/24 giờ

Đường miệng, chuột lớn: LD50 = 6450 mg/kg;

Gây ung thư:

CAS# 471-34-1: Không được liệt kê bởi ACGIH, IARC, NTP hoặc CA Prop 65.

Dịch tế học: Không có dữ liệu.

Gây quái thai: Không có dữ liệu.

Ảnh hưởng sinh sản: Không có dữ liệu.

Gây đột biến: Không có dữ liệu.

Chất độc thần kinh: Không có dữ liệu.

Phần 12: Thông tin sinh thái

Độc tính môi sinh: Không có thông tin. Chất này được cho là không gây cạn kiệt oxy trong các hệ thủy sinh. Nó có khả năng ảnh hưởng thấp đến sinh vật dưới nước. Tác động cấp tính: 48 giờ LC50; Mosquito fish: 56.000 mg/L.

Môi trường: Hóa chất này thải vào môi trường sẽ không gây tác động đáng kể.

Khác: Không được đổ xuống cống rãnh.

Phần 13: Xử lý chất thải

Nơi phát thải chất thải hóa học phải xác định chất thải đó có phải là chất thải nguy hại hay không. Hướng dẫn US EPA cho việc xác định phân loại được liệt kê trong 40 CFR Parts 261.3. Ngoài ra, nơi phát thải phải tham khảo quy định về chất thải nguy hại của địa phương để đảm bảo phân loại đầy đủ và chính xác.

RCRA P-Series: Không có dữ liệu.

RCRA U-Series: Không có dữ liệu.

Phần 14: Thông tin vận chuyển

	US DOT	Canada TDG
Tên vận chuyển:	Không quy định.	Không quy định.
Xếp loại nguy hại:		
Số UN:		
Packing Group:		

Phần 15: Thông tin quy định khác

Liên Bang Mỹ

TSCA

CAS# 471-34-1 có trong TSCA

Health & Safety Reporting List

Không có trong Health & Safety Reporting List.

Chemical Test Rules

Không có trong Chemical Test Rule.

Section 12b

Không có trong TSCA Section 12b.

TSCA Significant New Use Rule

Không có SNUR trong TSCA.

CERCLA Hazardous Substances and corresponding RQs

Không có RQ.

SARA Section 302 Extremely Hazardous Substances

Không có TPQ.

Section 313 Không có trong Section 313.

OSHA:

Không có chất nguy hại trong OSHA.

WGK (Water Danger/Protection)

CAS# 471-34-1: 0

Phần 16: Thông tin khác

Tài liệu tham khảo: Không có.

Lưu ý đặc biệt khác: Không có.

Những thông tin trên là chính xác và trình bày những thông tin tốt nhất mà chúng tôi có. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo về tính thương mại và việc bảo hành của sản phẩm, và chúng tôi không chịu trách nhiệm về việc sử dụng sản phẩm. Người sử dụng nên tự kiểm tra để xác định sự phù hợp của các thông tin trên cho mục đích cụ thể của mình. Tradeasia International Pte. Ltd. không chịu trách nhiệm về bất kỳ khiếu nại, tổn thất hay thiệt hại của bên thứ ba; hoặc bất kỳ hư hỏng gián tiếp, trực tiếp, ngẫu nhiên, bất cứ cách nào, ngay cả khi Tradeasia International Pte. Ltd. đã được thông báo về khả năng thiệt hại đó xảy ra.